

Bản án số: 01/2026/DS-ST

Ngày: 25/3/2026

*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo
hợp đồng mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Quang Vinh

2. Bà Lý Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân khu vực 1 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2025/TLST - DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số **01**/2026/QĐST – DS ngày 12/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty K1

Địa chỉ: Số A phố K, phường N, Tp Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Chiến T - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1976, CCCD số: 001076018613, cấp ngày 11/3/2022. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977, CCCD số: 033077023448, cấp ngày 24/8/2022. (Vắng mặt)

3. Ông Bùi Văn P, sinh năm 1991, CCCD số: 036091000824, cấp ngày 18/7/2023. (Vắng mặt)

4. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1983, CCCD số: 012083001181, cấp ngày 01/11/2022. (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 5841/GUQ-TCTKTKT ngày 10/11/2025 của Tổng giám đốc Tổng Công ty K1)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Bản S, phường Đ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2025, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng công ty K1 (sau đây viết tắt là TCT GAET) là doanh nghiệp nhà nước thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Q giao, trong đó có hoạt động cung cấp vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng trên phạm vi cả nước.

TCT GAET và Công ty TNHH MTV T2 (sau đây viết tắt là Công ty T2) đã ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp số 262/HĐMB ngày 25/9/2019, phụ lục hợp đồng số 01 – 262/HĐMB ngày 18/12/2019 theo đó, TCT GAET thực hiện cung cấp vật liệu nổ công nghiệp.

Theo quy định tại Hợp đồng, TCT GAET đã cung cấp đầy đủ vật liệu nổ công nghiệp công nghiệp, phù hợp với thỏa thuận của các bên. Trong năm 2020 TCT GAET có giao vật liệu nổ công nghiệp cho Công ty TNHH MTV T2 theo các biên bản giao nhận ngày 06/4/2020, 07/5/2020, 03/6/2020. Sau khi giao hàng ngày 03/6/2020 TCT đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng đối với tiền hàng trong tháng 6/2020 cho Công ty TNHH MTV T2 hóa đơn số tiền hàng là 107.589.966 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 4 của phụ hợp đồng ngày 25/9/2019 về thời hạn và hình thức thanh toán: "...Bên B thanh toán toàn bộ số tiền mua vật liệu nổ trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày bên A xuất hóa đơn tài chính...". Trong thời hạn thanh toán Công ty T2 đã thanh toán số tiền 45.433.560 đồng cho TCT GAET.

Việc giao nhận hàng và xuất hóa đơn tài chính TCT GAET thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng, tuy nhiên Công ty T2 lại không thanh toán tiền hàng đúng thỏa thuận. Tính từ lần cuối giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty T2 theo hóa đơn tài chính ngày 03/6/2020 số tiền hàng là 107.589.966 đồng. Công ty T2 đã thanh toán số tiền 45.433.560 đồng cho TCT GAET, số tiền còn nợ lại là 62.156.406 đồng (Bằng chữ: *Sáu mươi hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm linh sáu đồng*) theo các biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2023, 30/6/2024, 31/12/2024, 30/9/2025 đã ký giữa TCT GAET và Công ty TNHH MTV T2. Sau nhiều lần gửi công văn thanh toán công nợ quá hạn cho Công ty TNHH MTV T2, đến nay, TCT GAET vẫn chưa nhận được đầy đủ công nợ từ Công ty TNHH MTV T2. Việc Công ty TNHH MTV T2 không trả nợ đã gây ra cho Tổng công ty G nhiều khó khăn, cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, TCT GAET đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV T2 trả tiền hàng còn nợ là 62.156.406 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự về tiền lãi chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ. Theo đơn khởi kiện TCT GAET đề nghị tính lãi trong khoản thời gian từ ngày 03/6/2020 đến thời gian trả nợ thực tế tạm tính đến ngày 20/9/2025 là 1.935 ngày, với lãi suất 10%/năm (50% của mức lãi suất 20%/năm do hai bên không có thỏa thuận), tương ứng với số tiền là 32.951.410 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa TCT GAET xuất trình hóa đơn tài chính cho đơn hàng cuối vào ngày 03/6/2020 và thay đổi đề nghị tính lãi chậm từ ngày 24/6/2020 (ngày đến hạn thanh toán – 20 ngày sau ngày xuất hóa đơn tài chính theo thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa các bên đã ký) đến ngày xét xử 25/3/2026 Số ngày quá hạn từ

24/6/2020 đến 25/3/2026 là 2.101 ngày) với mức lãi 10%/năm là số tiền 35.778.249 đồng

Tổng cộng số tiền TCT GAET yêu cầu Công ty T2 phải trả đến ngày xét xử là: 97.934.655 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng*).

** Bị đơn Công ty TNHH MTV T2 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty vẫn cố ý vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn Công ty TNHH MTV T2 vắng mặt không có lý do theo Giấy triệu tập số 01/GTT-TA, Giấy triệu tập 04/GTT-TA của Tòa án để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Áp dụng Điều 34, 35, 37, Điều 50, 55, 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn TCT GAET. Buộc Công ty TNHH MTV T2 trả cho TCT GAET số tiền hàng còn nợ là 62.156.406 đồng và số tiền lãi chậm trả với lãi suất 10% tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2026 (là 2.101 ngày quá hạn) tương ứng số tiền 35.778.249 đồng.

- Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH MTV T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.896.733 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng). Trả lại số tiền cho nguyên đơn Tổng Công ty K1 2.377.695 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu theo Biên lai thu số 0000288 ngày 19 tháng 11 năm 2025 và biên lai thu số 0000293 ngày 24/11/2025.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của TCT GAET đối với Công ty TNHH MTV T2, là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể là tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa, liên quan đến tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH T2 có địa chỉ tại bản S, phường Đ, tỉnh Lai Châu nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

Công ty TNHH MTV T2 mặc dù được thông báo triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T2.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy TCT GAET đối với Công ty TNHH MTV T2 đã ký hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp số 262/HĐMB ngày 25/9/2019, phụ lục hợp đồng số 01 - 262/HĐMB ngày 18/12/2019 theo đó, TCT GAET thực hiện cung cấp vật liệu nổ công nghiệp cho Công ty TNHH MTV T2. Quá trình thực hiện hợp đồng TCT GAET giao hàng cho Công ty TNHH MTV T2 theo thỏa thuận, có biên bản giao nhận đúng quy định tại Điều 34, 35, 37 Luật Thương Mại. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 của phụ lục hợp đồng số 01 - 262/HĐMB ngày 18/12/2019 về thời hạn và phương thức thanh toán.

Việc Công ty TNHH MTV T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thể hiện qua các biên bản đối chiếu công nợ giữa TCT GAET đối với Công ty TNHH T2 vào các ngày 31/12/2023, ngày 30/6/2024, ngày 31/12/2024, 30/9/2025 người đại diện theo pháp luật của bên mua vật liệu nổ công nghiệp Công ty T2, ông Đinh Văn T1 đã ký tên xác nhận vào 04 biên bản đối chiếu công nợ thừa nhận số tiền mua hàng còn nợ như nguyên đơn trình bày là 62.156.406 đồng. Do đó TCT GAET yêu cầu Công ty TNHH MTV T2 trả số tiền hàng còn nợ nêu trên là có căn cứ theo quy định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét yêu cầu trả lãi chậm trả: Theo thỏa thuận về thời hạn thanh toán tại Điều 4 (Phụ lục của hợp đồng số 01 - 262/HĐMB ngày 18/12/2019 điều chỉnh về thời hạn thanh toán) như sau: Bên B thanh toán toàn bộ số tiền mua vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày bên A xuất hóa đơn tài chính. Xét thấy tại phiên tòa, TCT GAET cung cấp cho Hội đồng xét xử hóa đơn giá trị gia tăng vào ngày 03/6/2020, trên cơ sở thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng như trên TCT GAET thay đổi thời gian đề nghị tính lãi chậm trả đối với Công ty T2 từ ngày 03/6/2020 (ngày ghi trong đơn khởi kiện) thành ngày 24/6/2020. Việc thay đổi ngày tính lãi chậm trả của TCT GAET là có căn cứ theo thỏa thuận các bên đã ký tại phụ lục hợp đồng số 01 - 262/HĐMB ngày 18/12/2019. Như vậy, tính từ ngày 24/6/2020 Công ty T2 có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ số tiền mua vật liệu nổ công nghiệp. Tuy nhiên sau khoảng thời gian này, Công ty T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng còn nợ. Như vậy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại Công ty T2 còn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho khoản nợ gốc 62.156.406 đồng kể từ thời điểm 24/6/2020 (tại phiên tòa TCT GAET thay đổi ngày tính lãi chậm thanh toán đối

với Công ty T2 từ ngày 03/6/2020 thành ngày 24/6/2020 kèm theo việc giao nộp cho Tòa án hóa đơn tài chính ngày 03/6/2020). Theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn TCT GAET đề nghị tính lãi chậm trả trong khoảng thời gian từ ngày 24/6/2020 đến thời gian trả nợ thực tế, tạm tính đến ngày 25/3/2026 là 2.101 ngày quá hạn, với lãi suất 10%/năm (50% của mức lãi suất 20%/năm do hai bên không có thoả thuận nên theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015), tương ứng với số tiền là 35.778.249 đồng là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về ngày tính lãi chậm trả của TCT WAET là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 34, 35, 37, Điều 50, 55, 306 Luật thương mại; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty K1 đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T2 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa";

- Buộc Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Tổng Công ty K1 số tiền nợ gốc là: 62.156.406 đồng (Sáu mươi hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm linh sáu đồng) và số tiền lãi chậm trả với lãi suất 10% tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2026 (là 2.101 ngày quá hạn) tương ứng số tiền 35.778.249 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả.

[2]. Về án phí:

2.1. Bị đơn Công ty TNHH MTV T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.896.733 đồng (Bốn triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Hoàn trả lại số tiền cho nguyên đơn Tổng Công ty K1 2.377.695 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu theo Biên lai thu số 0000288 ngày 19 tháng 11 năm 2025 và biên lai thu số 0000293 ngày 24/11/2025.

[3]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

của thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA